

Bản án số: 643/2018/HNGĐ -ST

Ngày : 21/9/2018

v/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT , TỈNH TIỀN GIANG

*Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Bình*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Bền

2. Bà Đặng Thụy Thùy Nga

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Phương - cán bộ  
Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên  
tòa: Ông **Lữ Văn Thới** – kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử  
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 467/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2018 về  
việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2018/QĐXXST-  
HNGĐ ngày 31/8/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Nguyễn Văn D* - sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp TQ, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn: Lê Lệ H*- sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp TQ, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

*( Tại phiên tòa có mặt anh D và chị H)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn xin ly hôn ngày 05/7/2018 và lời khai trong quá trình giải  
quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh và chị Lê Lệ H chung sống với nhau vào năm 1991, có đăng ký kết hôn  
tại Ủy ban nhân dân xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, sau khi kết hôn vợ chồng  
chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân  
mâu thuẫn do chị H nghi ngờ anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên  
ngoài, từ đó dẫn đến việc vợ chồng thường gây gổ, cãi vã nhau. Hiện anh và chị H  
còn chung sống với nhau bình thường. Nay anh yêu cầu xin ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung tên Nguyễn Văn Trọng N, sinh  
ngày 19/02/1993 đã trưởng thành và Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 31/7/2002. Nay  
anh đồng ý giao cháu Ng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi cháu  
Ng mỗi tháng 1.500.000đ

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

\*Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/8/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn là chị Lê Lệ H trình bày: Chị thống nhất với trình bày của anh Nguyễn Văn D về thời gian quen biết, chung sống nhau và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn; chị và anh D phát sinh mâu thuẫn cách nay khoảng 03 tháng, nguyên nhân là do anh D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, hiện nay chị và anh D vẫn chung sống bình thường, còn sống chung nhà, không có sống ly thân, chị không đồng ý ly hôn, chị mong muốn được hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ, vì chị còn thương anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung đúng như anh D trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị yêu cầu nuôi cháu Ng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Lê Lệ H trình bày thống nhất là anh và chị cưới nhau năm 1991, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, xét đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh D xét thấy:

Anh D cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn từ đầu năm 2017, nguyên nhân do chị H nghi ngờ anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh và chị H còn sống chung với nhau nhưng tình cảm vợ chồng không còn.

Chị H cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, do anh D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng cách nay khoảng 3 tháng, chị xác định chị và anh D vẫn chung sống với nhau bình thường, còn sống chung nhà, không có sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng không lớn, nên tình cảm vợ chồng hàn gắn được, chị còn thương anh D nên không muốn ly hôn.

Xét thấy anh D và chị H tiến đến hôn nhân vào năm 1991, quá trình chung sống hạnh phúc trên 25 năm và có 02 con chung, trong quan hệ vợ chồng giữa anh D và chị H hiện nay có mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, tuy nhiên đây là mâu thuẫn không lớn chưa đến mức trầm trọng, chị H vẫn còn quan tâm chăm sóc chồng và con; mặt khác hiện nay anh D và chị H còn sống chung nhà, nên tình cảm vợ chồng vẫn còn có khả năng hàn gắn được, hơn nữa chị H còn tình cảm với anh D và không đồng ý ly hôn, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D nên vấn đề nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

[3] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung cho rằng quan hệ vợ chồng giữa anh D và chị H có mâu

thuần, tuy nhiên chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng còn có khả năng hàn gắn được, đề nghị không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D, do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D nên vấn đề nuôi con chung đề nghị không xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về phần án phí: anh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn D đối với chị Lê Lệ H

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn D chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008556 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Song Bình**